

Tuần: 14

Tiết: 28

BÀI 12: NGÀNH THỦY SẢN VIỆT NAM

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam;
- Nhận biết được một số thủy sản có giá trị kinh tế cao.

2. Về năng lực:

2.1. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học: chủ động tích cực trong học tập và cuộc sống. Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học vào việc nuôi thủy sản trong gia đình và địa phương
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm phần việc của cá nhân, phối hợp tốt các thành viên trong nhóm.

2.2. Năng lực Công nghệ

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được vai trò của việc nuôi thủy sản để tạo được thực phẩm sạch an toàn cung cấp cho xã hội; nhận biết được một số loại thủy sản quan trọng có giá trị kinh tế cao hiện nay được nuôi ở nước ta.
- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được một số thuật ngữ về nuôi thủy sản để trình bày vai trò của ngành nuôi thủy sản đối với nền kinh tế xã hội của Việt Nam.
- Đánh giá công nghệ: nhận xét đánh giá hành động hợp lý trong hoạt động của ngành nuôi thủy sản trong nền kinh tế. Đánh giá được một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao của Việt Nam.

3. Về phẩm chất

- Yêu nước: có ý thức tìm hiểu về ngành nuôi thủy sản của Việt Nam, ý thức học tập, rèn luyện tạo sản phẩm đóng góp cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào nghề nuôi thủy sản trong cuộc sống hằng ngày.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Hình 12.1 đến hình 12.3 SGK.
- Máy tính, tivi.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Mở đầu (5')

a) Mục tiêu: khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về tác động của hoạt động nuôi thủy sản đến nền kinh tế của nước ta.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi sau:

Hoạt động nuôi thủy sản có tác động thế nào đến nền kinh tế của nước ta?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

Hoạt động nuôi thủy sản có tác động đến nền kinh tế của nước ta:

- Cung cấp thực phẩm cho con người
- Cung cấp nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu và các ngành công nghiệp khác
- Tạo việc làm cho người lao động
- Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi như ở mục nội dung.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao suy nghĩ trả lời câu hỏi. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** GV gọi 2 HS trả lời các câu hỏi; HS khác nhận xét và góp ý.

- **Kết luận:**

GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và chốt lại một số ý kiến cơ bản như dự kiến trong mục sản phẩm. GV dẫn dắt vào bài.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (30')

2.1 Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò của ngành nuôi thủy sản trong nền kinh tế của Việt Nam (10')

a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được vai trò quan trọng của ngành nuôi thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam.

GV yêu cầu HS quan sát H12.1 SGK thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:

1. Em hãy nêu vai trò của ngành thủy sản được minh họa trong Hình 12.1.



Hình 12.1. Vai trò của ngành thủy sản trong nền kinh tế Việt Nam

2. Vì sao nuôi thủy sản ven biển, hải đảo lại góp phần đảm bảo chủ quyền và an ninh quốc gia?

c) Sản phẩm: câu trả lời của học sinh

1. Em hãy nêu vai trò của ngành thủy sản được minh họa trong Hình 12.1.

Trả lời:

Vai trò của ngành thủy sản được minh họa trong Hình 12.1:

- Hình 12.1a: Cung cấp thực phẩm cho con người
- Hình 12.1b: Cung cấp nguyên liệu cho ngành chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác.
- Hình 12.1c: Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm.
- Hình 12.1d: Xuất khẩu thủy sản
- Hình 12.1e: Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
- Hình 12.1f: Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

2. Vì sao nuôi thủy sản ven biển, hải đảo lại góp phần đảm bảo chủ quyền và an ninh quốc gia?

Trả lời:

Vì người dân chỉ được nuôi trồng, đánh bắt thủy sản trong phạm vi lãnh thổ của mình.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS quan sát H.12.1 SGK thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao suy nghĩ trả lời câu hỏi. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** GV gọi 2 HS trả lời các câu hỏi; HS khác nhận xét và góp ý.

- **Kết luận:** Ngành thủy sản có vai trò cung cấp thực phẩm cho con người; cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm, chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác; xuất khẩu thu ngoại tệ, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

2.2 Hoạt động 2: Tìm hiểu về nguồn lợi thủy sản của Việt Nam (10')

a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được nguồn lợi thủy sản của Việt Nam

b) Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm và trả lời các câu hỏi:

Nước ta có những lợi thế gì để phát triển ngành nuôi thủy sản?

c) Sản phẩm: câu trả lời của học sinh:

Nước ta có những lợi thế gì để phát triển ngành nuôi thủy sản?

Trả lời:

Nước ta có những lợi thế để phát triển ngành nuôi thủy sản:

- **Thủy sản nước mặn:** Việt Nam có đường bờ biển dài hơn 3 260 km với vùng đặc quyền kinh tế biển rộng hơn 1 triệu km². Biển nước ta có nhiều vịnh, hải đảo nên thuận lợi cho việc nuôi nhiều loại thủy sản có giá trị như cá biển, tôm hùm, đồi mồi, ngọc trai,...

- **Thủy sản nước lợ:** Thủy vực nước lợ ven biển, vùng triều, rừng ngập mặn thuận lợi cho việc nuôi cả lồng bè, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, sò, cua, nghêu, ốc,...

- **Thủy sản nước ngọt:** Hệ thống sông ngòi, kênh rạch, hồ chứa, ao đầm,... là vùng nuôi thủy sản nước ngọt quan trọng của nước ta. Một số loại thủy sản nước ngọt được nuôi ở Việt Nam như: cá tra, cá basa, cá chép, cá mè, cá lăng, cá trắm, cá trôi, cá rô phi, tôm càng xanh, cá bống tượng....

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh hoạt động thảo luận nhóm để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận kết quả:** Các nhóm báo cáo kết quả. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.

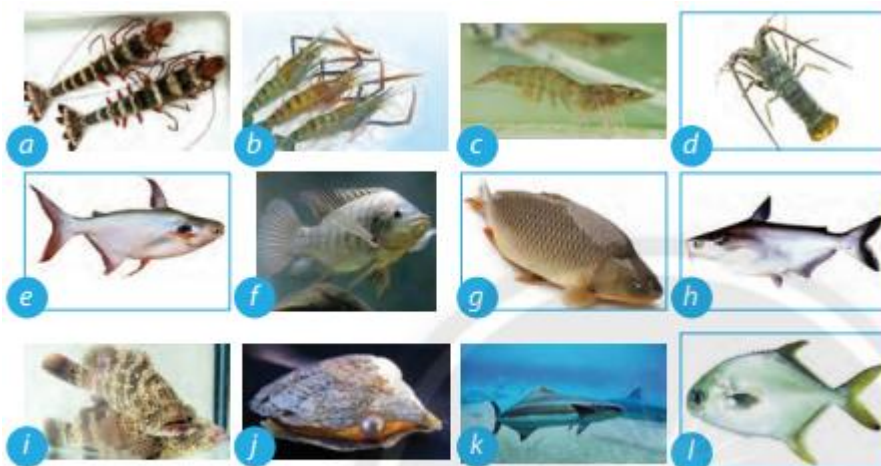
- **Kết luận:** những lợi thế của Việt Nam về nuôi thủy sản nước mặn (đường bờ biển dài, nhiều vịnh, hải đảo...) nước lợ (thủy vực nước lợ ven biển vùng triều, rừng ngập mặn) nước ngọt (nhiều sông ngòi, ao hồ, kênh rạch...)

2.3. Hoạt động 3: Tìm hiểu về một số thủy sản có giá trị kinh tế cao ở Việt Nam (10')

a) **Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được một số loài thủy sản nuôi có giá trị kinh tế cao

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS quan sát hình 12.2 SGK trả lời các câu hỏi sau:

1. Kể tên và cho biết môi trường sống của các loại thủy sản trong Hình 12.2



Hình 12.2. Một số thủy sản đang được nuôi ở nước ta

2. Tại sao tôm có giá trị kinh tế cao?

Trả lời:

Tôm có giá trị kinh tế cao vì:

- Nước ta có nhiều tiềm năng trong việc nuôi các động vật thủy sản có giá trị xuất khẩu.
- Tận dụng được các mặt nước sẵn có và nguồn thức ăn thiên nhiên.
- Các động vật thủy sản xuất khẩu đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho đất nước
- Tạo công ăn việc làm cho người lao động ở các lĩnh vực liên quan như chế biến thực phẩm, chế biến thức ăn chăn nuôi, kinh doanh thương mại...
- Góp phần cải thiện đời sống người dân lao động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

1. Kể tên và cho biết môi trường sống của các loại thủy sản trong Hình 12.2



Hình 12.2. Một số thủy sản đang được nuôi ở nước ta

Kể tên và cho biết môi trường sống của các loại thủy sản trong Hình 12.2:

- Hình 12.2a + 12.2b: Tôm sú (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.
- Hình 12.2c: Tôm thẻ chân trắng (thủy sản nước lợ): ao, đầm ven biển hoặc các bãi bồi.
- Hình 12.2d: Tôm càng xanh (môi trường nước ngọt): ao, ruộng lúa.
- Hình 12.2e: Cá tra nuôi (nước lợ hoặc nước phèn): ao đáy hoặc trong lồng bè.
- Hình 12.2f: Cá rô phi (nước ngọt, nước lợ hoặc nước mặn): sông, suối, kênh, rạch, ao, hồ
- Hình 12.2g: Cá chép (nước ngọt): ao, hồ, sông, suối.
- Hình 12.2h: Cá basa (nước lợ hoặc nước phèn): ao đáy hoặc trong lồng bè.
- Hình 12.2i: Cá mú (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh.
- Hình 12.2j: Trai (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh.

- Hình 12.2k: Cá bớp (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh.
- Hình 12.2l: Cá chim trắng (nước mặn): lồng bè ở ven biển hoặc vùng vịnh.

2. Tại sao tôm có giá trị kinh tế cao?

Tôm có giá trị kinh tế cao vì:

- Nước ta có nhiều tiềm năng trong việc nuôi các động vật thủy sản có giá trị xuất khẩu.
- Tận dụng được các mặt nước sẵn có và nguồn thức ăn thiên nhiên.
- Các động vật thủy sản xuất khẩu đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho đất nước
- Tạo công ăn việc làm cho người lao động ở các lĩnh vực liên quan như chế biến thực phẩm, chế biến thức ăn chăn nuôi, kinh doanh thương mại...
- Góp phần cải thiện đời sống người dân lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS Thực hiện nhiệm vụ học tập:** Học sinh làm việc cá nhân để đưa ra câu trả lời. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** Các em báo cáo kết quả. Các em khác nhận xét, đánh giá đi đến kết luận.

- **Kết luận:** các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao ở nước ta tôm (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, tôm hùm) cá nước ngọt (cá tra, cá ba sa, cá rô phi, cá chép) cá nước mặn (cá mú, cá chép, cá chẽm, cá chim) và các loài thủy sản đặc sản khác

3. Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút)

a) Mục tiêu: Giúp HS củng cố khắc sâu kiến thức đã học về vai trò của ngành nuôi thủy sản đối với nền kinh tế Việt Nam và xác định được một số loài thủy sản có giá trị kinh tế ở nước ta.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm (6 HS) trong thời gian 10 phút rồi trả lời các câu hỏi sau:

1. Nuôi thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?
2. Trong những năm vừa qua, nghề nuôi tôm ở đồng bằng Nam Bộ khá phát triển. Thấy nuôi tôm có lợi, nhiều gia đình đã phá rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. Theo em, cách làm như vậy đúng hay sai? Vì sao?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

1. Nuôi thủy sản có vai trò gì đối với nền kinh tế và đời sống xã hội?

Trả lời:

Nuôi thủy sản có vai trò đối với nền kinh tế và đời sống xã hội:

- Cung cấp thực phẩm cho con người,

- Cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến thực phẩm, chăn nuôi và các ngành công nghiệp khác,
- Xuất khẩu thủy sản,
- Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động,
- Góp phần bảo vệ môi trường và đảm bảo chủ quyền quốc gia.

=> Ngành thủy sản đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước.

2. Trong những năm vừa qua, nghề nuôi tôm ở đồng bằng Nam Bộ khá phát triển. Thấy nuôi tôm có lợi, nhiều gia đình đã phá rừng ngập mặn ven biển để làm đầm nuôi tôm. Theo em, cách làm như vậy đúng hay sai? Vì sao?

Trả lời:

Theo em là ko đúng vì thiên nhiên là do trời ban tặng, mỗi loài động, thực vật trên Trái Đất đều được sinh sống. Không chỉ vậy, có những năm thủy lợi phát triển mạnh nhưng cũng có năm không phát triển mạnh do đó không nên phá hoại của cải, vật chất thiên nhiên mà ông trời ban cho ta ngược lại phải quý trọng và giữ gìn chúng!

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi như ở mục nội dung

- **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao suy nghĩ trả lời câu hỏi. GV theo dõi, hỗ trợ, gợi ý.

- **GV tổ chức báo cáo và thảo luận:** GV gọi 2 HS trả lời các câu hỏi; HS khác nhận xét và góp ý.

- **Kết luận:** như trong mục sản phẩm

4. Hoạt động 4: Vận dụng (5')

a) Mục tiêu: Giúp HS củng cố và vận dụng những kiến thức kĩ năng vừa học vào thực tiễn.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS về nhà làm việc cá nhân hoàn thành bài tập.

1. Ở địa phương em hiện đang nuôi loại thủy sản nào và nuôi theo hình thức nào?

2. Em hãy tìm hiểu để mô tả lại cách nuôi trai lấy ngọc. Ngọc trai có giá trị như thế nào? cách nuôi trai lấy ngọc.

c) Sản phẩm học tập: Dự kiến câu trả lời của học sinh

1. Ở địa phương em hiện đang nuôi loại thủy sản nào và nuôi theo hình thức nào?

Trả lời:

- Ở địa phương em thường nuôi cá.
- Hình thức nuôi cá chủ yếu là nuôi trong ao nước tĩnh với quy mô nhỏ.
- Nuôi tôm theo hình thức nuôi chẵn sáo, đăng quảng.

2. Em hãy tìm hiểu để mô tả lại cách nuôi trai lấy ngọc. Ngọc trai có giá trị như thế nào? cách nuôi trai lấy ngọc.

Trả lời:

Cách nuôi trai lấy ngọc: Để có trai cho ngọc, người nuôi phải trải qua ít nhất 3 giai đoạn: giai đoạn nuôi vỗ, giai đoạn nuôi cấy và giai đoạn nuôi dưỡng. Sau đó sẽ thực hiện cấy ghép mô tế bào và nhân vào xoang màng áo ngoài của trai. Sau khi cấy ghép xong, trai được cho vào bể chứa, cố định trong túi lưới trôi treo xuống ao.

- Ngọc trai có giá trị: làm trang sức, làm đồ trang trí, đem lại nguồn giá trị về kinh tế, mang ý nghĩa phong thủy.

4.4. Tổ chức thực hiện:

Giao nhiệm vụ học tập: GV yêu cầu HS ghi nhiệm vụ vào vở như phần nội dung

Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà tự hoàn thiện bài tập.

Báo cáo, thảo luận: Đầu giờ của tiết học sau GV yêu cầu một số bạn trình bày bài làm của mình. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

Kết luận, nhận định: GV nhận xét phần trình bày của HS, ghi nhận, đánh giá các bài làm mà HS đã trình bày.

Yêu cầu học sinh về nhà tự học nội dung

Đọc và tìm hiểu trước bài 13

.....oo0oo.....

Giáo viên

**DUYỆT
TỔ CHUYÊN MÔN**

NHÀ TRƯỜNG



Nguyễn Thị Chiến

Người duyệt: **Nguyễn Thị Quỳnh Thoa**

Chức vụ: Tổ trưởng chuyên môn

Đơn vị: THCS Ngô Mỹ

Thời gian ký: 25/11/2022 8:35 AM

TRƯỜNG THCS NGÔ MỸ	
ĐÃ PHÊ DUYỆT	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG  Phan Văn Phú